

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08- 12 - 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hội

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1999

Địa chỉ: Tổ dân phố AN, phường PN, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi;

- Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ dân phố KB, phường PV, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/7/2020, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Trần Văn Th có tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PV(nay là phường PV). Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th cờ bạc, không quan tâm đến vợ con và do mâu thuẫn trong việc lựa chọn nơi làm việc. Khi bắt đầu mang thai đứa con thứ hai, chị và anh Th đã ly thân. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Trần Nguyễn Hạo Th1 sinh ngày 17/4/2017 và cháu Trần Nguyễn Ngọc Th2 sinh ngày 12/12/2019; cả hai cháu đều đang sống với chị T, từ khi vợ chồng ly thân anh Th không quan tâm và cũng không hỗ trợ tiền chi phí cho chị để nuôi con. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có chiếc xe máy Vision, anh Th đã nhận xe, thối lại tiền chênh lệch cho chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn Th trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Minh T về thời gian kết hôn, địa điểm kết hôn. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Anh và chị T đã sống ly thân và cả hai đều đã không còn quan tâm đến nhau. Tình cảm vợ chồng đã không còn. Do vậy chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị T trình bày. Các cháu đang sống cùng với chị T. Do công việc nên anh không có nhiều thời gian chăm sóc con tuy nhiên anh vẫn mong muốn được nuôi cháu lớn là Trần Nguyễn Hạo Th1, còn cháu Trần Nguyễn Ngọc Th2 giao cho chị T nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Th2 mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Trường hợp giao cả hai con cho chị T nuôi, anh không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Trần Văn Th, giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét. Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Văn Th ở Tổ dân phố KB, phường PV, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Trần Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường Phổ Vinh, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th là hoàn toàn hợp pháp. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau không nhiều nhưng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong việc lựa chọn nơi làm việc và do anh Th cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Chị T và anh Th đã ly thân từ khi chị T mang thai đứa con thứ hai, đến nay cả hai không còn muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân và đều đồng thuận ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Th đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Trần Văn Th.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Nguyễn Hạo Th1 sinh ngày 17/4/2017 và cháu Trần Nguyễn Ngọc Th2 sinh ngày 12/12/2019. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị Minh T yêu cầu được nuôi hai con chung, anh Trần Văn Th yêu cầu được nuôi cháu Trần Nguyễn Hạo Th1. Xét yêu cầu hai bên, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Th2 chưa đủ 01 tuổi nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng; đối với cháu Th1 chỉ mới hơn 03 tuổi, từ khi anh Th và chị T ly thân đến nay chị T chăm sóc con tốt, anh Th không làm tròn trách nhiệm của người làm cha, không thường xuyên thăm và hỗ trợ tiền nuôi con, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu Thiên cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng cho con: Chị T yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy anh Th là người không trực tiếp nuôi con nên theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Qua xác minh tại địa phương thu nhập đối với lao động làm nghề biển là 4.000.000 đồng/tháng nên mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu là cao so với thu nhập của anh Th. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình, buộc anh Th phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng, mỗi cháu 1.000.000 đồng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/01/2021 cho đến khi cháu Th1 và cháu Th2 đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, anh Trần Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Trần Văn Th.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Trần Nguyễn Hạo Th1 sinh ngày 17/4/2017 và cháu Trần Nguyễn Ngọc Th2 sinh ngày 12/12/2019 cho chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Nguyễn Hạo Th1 và cháu Trần Nguyễn Ngọc Th2 mỗi tháng, mỗi cháu là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/01/2021 cho đến khi cháu Th1 và cháu Th2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Trần Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0004605

ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Trần Văn Th phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND phường Phổ Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

